

## **Công ty Cổ phần Everpia**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Everpia

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 47

2-00  
CÔNG TY  
HỢP  
YOUT  
NAN  
HÀN  
NỘI  
1-1

# Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016 .

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lee Je Won	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban	
Ông Kim Kyoung Rok	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Choi Hyung Joon	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Hong Sun	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

# Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc	
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Everpia

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
EVERPIA

Ông Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61110609/19317593-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thái Thanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>848.962.543.159</b>	<b>804.991.252.918</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>144.907.664.972</b>	<b>79.148.811.059</b>
111	1. Tiền		53.064.664.972	48.648.811.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.843.000.000	30.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>73.140.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	73.140.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>260.637.438.773</b>	<b>243.742.976.292</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	197.146.924.759	180.180.602.822
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.600.048.466	6.071.660.749
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60.773.000.000	60.773.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.396.064.000	6.100.750.847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2	(21.278.598.452)	(9.383.038.126)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>437.181.131.748</b>	<b>405.618.484.232</b>
141	1. Hàng tồn kho		442.505.730.218	412.586.637.519
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.324.598.470)	(6.968.153.287)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.236.307.666</b>	<b>3.340.981.335</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.571.050.102	3.190.981.335
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.515.257.564	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.000.000	150.000.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>311.694.926.613</b>	<b>309.836.108.255</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.173.055.826</b>	<b>1.647.711.335</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	3.460.383.131	2.923.038.131
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(1.287.327.305)	(1.275.326.796)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>288.484.666.045</b>	<b>285.736.663.309</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	278.807.014.499	274.781.108.969
222	Nguyên giá		523.883.162.842	505.473.867.741
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(245.076.148.343)	(230.692.758.772)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	77.597.122	83.274.958
225	Nguyên giá		113.556.756	113.556.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.959.634)	(30.281.798)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	9.600.054.424	10.872.279.382
228	Nguyên giá		39.451.177.876	39.451.177.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.851.123.452)	(28.578.898.494)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.638.200.000</b>	<b>2.638.200.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	2.638.200.000	2.638.200.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.399.004.742</b>	<b>19.813.533.611</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14.412.216.704	15.147.738.448
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	3.986.788.038	4.665.795.163
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.160.657.469.772</b>	<b>1.114.827.361.173</b>

Công ty Cổ phần Everpia


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017


B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>222.486.648.841</b>	<b>155.177.746.983</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>181.632.067.360</b>	<b>108.391.290.137</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	47.028.710.341	43.809.854.386
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.2	16.725.188.628	5.647.479.131
314	4. Phải trả người lao động	17	6.300.034.576	26.760.029.293
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	11.542.859.118	11.454.147.070
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.736.252.334	2.546.128.909
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.484.993.438	1.038.688.812
		20	93.814.028.925	17.134.962.536
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>40.854.581.481</b>	<b>46.786.456.846</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	4.216.254.379	3.849.537.782
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	35.873.212.230	41.405.772.228
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>765.114.872</b>	<b>1.531.146.836</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>938.170.820.931</b>	<b>959.649.614.190</b>
411	1. Vốn cổ phần	22	938.170.820.931	959.649.614.190
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	22.3	419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.2	419.797.730.000	419.797.730.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		203.072.724.247	203.072.724.247
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.5	(1.002.443.625)	(172.241.448)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		14.519.415.863	12.055.386.440
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		301.783.394.446	324.896.014.951
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		278.495.114.388	235.281.188.675
			23.288.280.058	89.614.826.276
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.160.657.469.772</b>	<b>1.114.827.361.173</b>

  
Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc

  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae

  
Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun



Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	24.1	373.759.019.209	377.959.662.529
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(45.553.373)	(152.555.911)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	24.1	373.713.465.836	377.807.106.618
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(252.084.406.628)	(247.378.045.329)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		121.629.059.208	130.429.061.289
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	7.326.437.665	7.340.783.528
22	7. Chi phí tài chính	27	(3.031.820.012)	(3.218.654.462)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.679.606.588)	(2.553.750.721)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		-	1.207.454.781
25	9. Chi phí bán hàng	26	(45.969.295.872)	(33.242.675.083)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(51.217.704.870)	(48.267.546.749)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28.736.676.119	54.248.423.304
31	12. Thu nhập khác		385.716.812	342.372.576
32	13. Chi phí khác		(60.773.776)	(1.592.602.853)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác		324.943.036	(1.250.230.277)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.061.619.155	52.998.193.027
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.641.337.431)	(10.844.088.003)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(132.001.666)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		23.288.280.058	42.154.105.024
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		23.288.280.058	42.154.105.024
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	555	1.004
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	555	1.004



Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>29.061.619.155</b>	<b>52.998.193.027</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		17.051.497.623	15.909.385.882
03	Các khoản dự phòng		13.673.194.871	4.217.230.998
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(847.133.236)	(1.209.675.544)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.420.328.558)	(6.232.794.956)
06	Chi phí lãi vay	27	1.679.606.588	2.553.750.721
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>54.198.456.443</b>	<b>68.236.090.128</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(29.583.303.393)	(31.828.815.166)
10	Tăng hàng tồn kho		(36.249.202.779)	(52.364.861.850)
11	Tăng các khoản phải trả		12.275.149.175	27.508.220.840
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(725.543.823)	125.347.172
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.828.937.277)	(2.667.445.785)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(22.616.740.926)	(31.578.459.283)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(2.782.743.854)	(3.700.895.510)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(27,312,866,434)</b>	<b>(26.270.819.454)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(15.419.576.315)	(29.854.450.885)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		105.454.545	501.016.182
23	Tiền chi cho vay		-	(104.248.500.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, đầu tư ngắn hạn		73.140.000.000	165.075.500.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.830.644.043	6.239.307.158
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>61.656.522.273</b>	<b>37.712.872.455</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	22.564.158.603
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		80.369.987.847	106.615.895.395
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.471.333.435)	(74.217.346.008)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(17.348.021)	(13.949.878)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(41.920.159.250)	(55.897.223.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		31.961.147.141	(948.465.238)
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		66.304.802.980	10.493.587.763
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		79.148.811.059	46.536.789.925
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		(545.949.067)	(5.720.024)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	144.907.664.972	57.024.657.664



Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dung nội thất bằng gỗ, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.268 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.341 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau.

*Công ty TNHH Everpia Cambodia*

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

*Công ty TNHH Everpia Intermaru*

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Intermaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Intermaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật Đức.

Tại ngày 16 tháng 03 năm 2017, Công ty đã quyết định không chuyển tiền đầu tư cho công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

*Công ty Cổ phần Everpia Korea*

Công ty con này là một công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18 104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chần ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.000.000 đô la Mỹ, tương đương với 67% vốn điều lệ vào công ty con này.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Thương hiệu, kênh phân phối*

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định khác	4 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình vào ngày 30 tháng 12 năm 2016 trong thời hạn 48 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty và các công ty con sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.16 Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập**

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá +/- 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư trong cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

SỔ HIỂN KÍ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	413.939.871	670.761.319
Tiền gửi ngân hàng	52.650.725.101	47.978.049.740
Các khoản tương đương tiền (*)	91.843.000.000	30.500.000.000
	<b><u>144.907.664.972</u></b>	<b><u>79.148.811.059</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm (2016: lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	73.140.000.000	73.140.000.000
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>73.140.000.000</b>	<b>73.140.000.000</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	195.510.342.265	178.974.195.038
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phú Trường Giang	4.542.246.870	8.660.898.816
- Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	7.388.524.536	7.921.768.085
- Công ty TNHH RSCU	3.831.091.485	5.186.214.570
- Đại lý AT- 278 Phố Huế	1.064.189.233	4.904.525.592
- Công ty TNHH Global Garment Sourcing	8.672.006.090	4.896.229.069
- Công ty TNHH Pan Pacific	15.929.490.736	1.194.696.438
- Công ty TNHH Everpia Cambodia	16.160.377.837	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	137.922.415.478	146.209.862.468
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.636.582.494	1.206.407.784
	<b>197.146.924.759</b>	<b>180.180.602.822</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.582.518.452)	(8.686.958.126)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty LiLi Textile	8.953.672.559	-
Trả trước cho các đối tượng khác	9.646.375.907	6.071.660.749
	<b><u>18.600.048.466</u></b>	<b><u>6.071.660.749</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(696.080.000)	(696.080.000)

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cho bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 30)	60.773.000.000	60.773.000.000
	<b><u>60.773.000.000</u></b>	<b><u>60.773.000.000</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi và cho vay	3.809.095.514	2.671.645.130
Tạm ứng cho nhân viên	558.051.623	636.650.166
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	61.166.173	97.179.805
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	-	593.560.000
Phải thu ngắn hạn khác	967.750.690	2.101.715.746
	<b><u>5.396.064.000</u></b>	<b><u>6.100.750.847</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>3.713.030.336</i>	<i>2.279.711.500</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các đối tượng khác</i>	<i>1.683.033.664</i>	<i>3.821.039.347</i>
<b>Dài hạn</b>		
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay sơ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.216.240.409	1.678.895.409
	<b><u>3.460.383.131</u></b>	<b><u>2.923.038.131</u></b>
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1.287.327.305)	(1.275.326.796)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	11.802.016.913	-	13.907.889.386	-
Nguyên liệu, vật liệu	235.181.942.538	(688.261.204)	207.115.603.974	(688.261.204)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.756.087	-	22.295.952	-
Thành phẩm	186.059.780.787	(4.636.337.266)	182.552.792.701	(6.279.892.083)
Hàng hóa	9.452.233.893	-	8.988.055.506	-
	<b>442.505.730.218</b>	<b>(5.324.598.470)</b>	<b>412.586.637.519</b>	<b>(6.968.153.287)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	6.968.153.287	1.703.866.848
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	3.352.817.037	1.958.077.383
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.261.344.566)	-
Trừ: Thoái vốn trong công ty con	(2.735.027.288)	-
Số cuối kỳ	<b>5.324.598.470</b>	<b>3.661.944.231</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà xưởng và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu kỳ	182.094.947.025	258.380.523.546	19.645.957.115	26.517.602.606	19.134.837.449	505.473.867.741
Mua trong kỳ	10.477.418.577	6.315.922.013	620.000.000	2.725.086.664	359.564.684	20.997.991.938
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(260.666.664)	-	(260.666.664)
Giảm khác	-	-	54.518.273	(54.518.273)	-	-
Thoái vốn trong công ty con	(872.561.600)	(1.228.730.253)	-	(154.950.400)	(71.817.920)	(2.328.030.173)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>191.699.804.002</b>	<b>263.567.745.306</b>	<b>20.320.475.388</b>	<b>28.772.553.933</b>	<b>19.422.584.213</b>	<b>523.883.162.842</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>444.434.009</i>	<i>78.494.819.603</i>	<i>6.550.262.267</i>	<i>256.978.307</i>	<i>3.727.011.981</i>	<i>89.473.506.167</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số đầu kỳ	45.030.192.190	150.505.357.334	10.818.330.948	13.387.963.329	10.950.914.971	230.692.758.772
Khấu hao trong kỳ	3.691.640.685	8.861.286.990	439.754.552	1.896.505.972	884.406.630	15.773.594.829
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(225.911.112)	-	(225.911.112)
Giảm khác	-	-	30.666.527	(30.666.527)	-	-
Thoái vốn trong công ty con	(55.431.200)	(932.148.792)	-	(112.348.942)	(64.365.212)	(1.164.294.146)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>48.666.401.675</b>	<b>158.434.495.532</b>	<b>11.288.752.027</b>	<b>14.915.542.720</b>	<b>11.770.956.389</b>	<b>245.076.148.343</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu kỳ	137.064.754.835	107.575.166.212	8.827.626.167	13.129.639.277	8.183.922.478	274.781.108.969
Số cuối kỳ	143.033.402.327	105.233.249.774	9.031.723.361	13.857.011.213	7.651.627.824	278.807.014.499
<i>Nguyên giá tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)</i>	<i>38.010.558.236</i>	<i>55.227.490.518</i>	<i>-</i>	<i>5.670.290.909</i>	<i>-</i>	<i>98.908.339.663</i>

(\*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho các khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Thiết bị văn phòng</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu kỳ	113.556.756
Thuê trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>113.556.756</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu kỳ	30.281.798
Khấu hao trong kỳ	<u>5.677.836</u>
Số cuối kỳ	<u>35.959.634</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu kỳ	<u>83.274.958</u>
Số cuối kỳ	<u>77.597.122</u>

Đây là máy photocopy được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Thương hiệu</i>	<i>Kênh phân phối</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu kỳ	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
Số cuối kỳ	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	253.079.670	686.893.687	939.973.357
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu kỳ	16.137.011.848	7.315.137.120	4.439.855.839	686.893.687	28.578.898.494
Hao mòn trong kỳ	613.124.010	258.181.320	400.919.628	-	1.272.224.958
Số cuối kỳ	16.750.135.858	7.573.318.440	4.840.775.467	686.893.687	29.851.123.452
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu kỳ	7.357.488.152	516.362.880	2.998.428.350	-	10.872.279.382
Số cuối kỳ	6.744.364.142	258.181.560	2.597.508.722	-	9.600.054.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Công ty Cổ phần Texpia</i>
<b>Giá trị đầu tư:</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>11.590.390.000</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>11.590.390.000</u>
<b>Phần lỗ kế (lỗ)/lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	(11.590.390.000)
Phần lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	<u>-</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(11.590.390.000)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>-</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 số 472033001056 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 44% cổ phần trong công ty liên kết này.

**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng	872.894.232	150.000.000
Thiết bị, phụ tùng	949.763.469	645.283.827
Bảo hiểm cháy nổ	449.309.413	447.941.340
Phí quảng cáo	1.303.988.536	914.994.045
Khác	995.094.452	1.032.762.123
	<b>4.571.050.102</b>	<b>3.190.981.335</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng (*)	7.213.193.750	7.380.175.025
Tiền thuê đất ở Hòa Bình	5.079.166.667	5.429.545.455
Khác	2.119.856.287	2.338.017.968
	<b>14.412.216.704</b>	<b>15.147.738.448</b>

(\*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
EP International Company Limited	549.774.946	549.774.946	10.648.692.462	10.648.692.462
Phải trả cho các đối tượng khác	46.478.935.395	46.478.935.395	33.161.161.924	33.161.161.924
	<b>47.028.710.341</b>	<b>47.028.710.341</b>	<b>43.809.854.386</b>	<b>43.809.854.386</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	12.997.458	12.997.458	221.100.000	221.100.000
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	47.015.712.883	47.015.712.883	43.588.754.386	43.588.754.386



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty TNHH KyungDong One	10.353.333.550	-
Các đối tượng khác	6.371.855.078	5.647.479.131
	<b>16.725.188.628</b>	<b>5.647.479.131</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Giảm do thoái vốn trong công ty con</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	2.954.458.996	4.213.623.937	7.059.261.020	24.544.830	84.277.083
Thuế xuất và nhập khẩu	573.239.843	-	573.239.843	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.2)	22.436.698.823	5.641.337.431	22.616.740.926	-	5.461.295.328
Thuế thu nhập cá nhân	717.881.952	508.143.999	455.542.416	16.021.370	754.462.165
Các loại thuế khác	77.749.679	421.319.184	472.153.873	26.914.990	-
	<b>26.760.029.293</b>	<b>10.784.424.551</b>	<b>31.176.938.078</b>	<b>67.481.190</b>	<b>6.300.034.576</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí xây dựng cơ bản hoàn thành	4.544.104.200	2.353.120.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	192.148.134	193.008.909
	<b>4.736.252.334</b>	<b>2.546.128.909</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	561.363.636	588.840.909
Bảo hiểm xã hội	336.367.809	4.908.000
Bảo hiểm y tế	1.475.856	84.545.734
Phải trả ngắn hạn khác	585.786.137	360.394.169
	<b>1.484.993.438</b>	<b>1.038.688.812</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.099.436.379	3.522.669.782
Phải trả dài hạn khác	116.818.000	326.868.000
	<b>4.216.254.379</b>	<b>3.849.537.782</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	-	-	78.180.178.738	-	78.180.178.738	78.180.178.738
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	25.057.953	25.057.953	17.348.021	17.348.021	25.057.953	25.057.953
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	14.375.104.583	14.375.104.583	7.705.021.086	6.471.333.435	15.608.792.234	15.608.792.234
Vay từ đối tượng khác	2.734.800.000	2.734.800.000	-	2.734.800.000	-	-
	<b>17.134.962.536</b>	<b>17.134.962.536</b>	<b>85.902.547.845</b>	<b>9.223.481.456</b>	<b>93.814.028.925</b>	<b>93.814.028.925</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	41.371.023.397	41.371.023.397	2.189.809.109	7.705.021.086	35.855.811.420	35.855.811.420
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 20.3)	34.748.831	34.748.831	-	17.348.021	17.400.810	17.400.810
	<b>41.405.772.228</b>	<b>41.405.772.228</b>	<b>2.189.809.109</b>	<b>7.722.369.107</b>	<b>35.873.212.230</b>	<b>35.873.212.230</b>
	<b>58.540.734.764</b>	<b>58.540.734.764</b>	<b>88.092.356.954</b>	<b>16.945.850.563</b>	<b>129.687.241.155</b>	<b>129.687.241.155</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	40.872.582.176	1.795.019 (USD)	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 17 tháng 11 năm 2017	Từ 2.5% đến 2.6%	Không yêu cầu đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	5.539.488.141	5.539.488.141 (VND)	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 23 tháng 11 năm 2017	Từ 5.5% đến 5.7%	
Ngân hàng Woori	31.768.108.421	1.393.949 (USD)	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 20 tháng 12 năm 2017	Lãi suất Libor kỳ hạn 6 tháng +1.21344 %	Khoản vay được đảm bảo bởi ông Lee Jae Eun
	<b><u>78.180.178.738</u></b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.3 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	15.571.207.673	683.998 (USD)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 28 tháng 7 năm 2019	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2.7%/1 năm	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống cần trục và hệ thống cung cấp điện; nhà xưởng, văn phòng và công trình liên quan được tài trợ; tài sản cố định trên đất tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13.802.311.985	606.295 (USD)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2.7%/1 năm	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	16.200.985.360	16.200.985.360 (VND)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 11 năm 2020	3 năm đầu lãi suất cố định là 7%, sau đó lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 2%/1 năm	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	2.253.735.000	99.000 (USD)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 21 tháng 3 năm 2022	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2.5%/1 năm	Máy móc thiết bị được tài trợ ước tính khoảng 1.250.000 USD
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	3.636.363.636	3.636.363.636 (VND)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 1.3%/1 năm	Ô tô mua bởi khoản vay này
	<b>51.464.603.654</b>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	15.608.792.234
Vay dài hạn	35.855.811.420

**20.4 Nợ thuê tài chính**

Công ty hiện đang thuê máy photocopy theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>1.531.146.836</b>	<b>2.683.121.285</b>
<i>Tăng trong kỳ:</i>		
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-
<i>Giảm trong kỳ:</i>		
Sử dụng quỹ trong kỳ	(766.031.964)	(690.945.586)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>765.114.872</b>	<b>1.992.175.699</b>

NG  
NH  
&  
TM  
NH  
&  
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	279.865.180.000	191.000.000.000	(10.491.434.356)	9.949.623.119	(108.571.925)	436.787.936.102	-	907.002.732.940
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	42.154.105.024	-	42.154.105.024
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	5.677.153.321	-	(5.677.153.321)	-	-
- Cổ tức công bố/đã chia	-	-	-	-	-	(55.897.223.350)	-	(55.897.223.350)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con	-	-	-	-	(21.123.237)	-	-	(21.123.237)
- Chuyển nhượng cổ phiếu quỹ	-	12.072.724.247	10.491.434.356	-	-	-	-	22.564.158.603
- Giảm khác	-	-	-	(2.986.390.000)	-	-	-	(2.986.390.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	279.865.180.000	203.072.724.247	-	12.640.386.440	(129.695.162)	417.367.664.455	-	912.816.259.980
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>								
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	419.797.730.000	203.072.724.247	-	12.055.386.440	(172.241.448)	324.896.014.951	-	959.649.614.190
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	23.288.280.058	-	23.288.280.058
- Trích lập quỹ	-	-	-	4.480.741.313	-	(4.480.741.313)	-	-
- Cổ tức công bố/đã chia	-	-	-	-	-	(41.920.159.250)	-	(41.920.159.250)
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con	-	-	-	-	(1.002.443.625)	-	-	(1.002.443.625)
- Giảm do thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	172.241.448	-	-	172.241.448
- Giảm khác	-	-	-	(2.016.711.890)	-	-	-	(2.016.711.890)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	419.797.730.000	203.072.724.247	-	14.519.415.863	(1.002.443.625)	301.783.394.446	-	938.170.820.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
	<b>622.870.454.247</b>	<b>622.870.454.247</b>	<b>622.870.454.247</b>	<b>622.870.454.247</b>

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	419.797.730.000	279.865.180.000
Tăng/(giảm) vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<b>419.797.730.000</b>	<b>279.865.180.000</b>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>(41.920.159.250)</b>	<b>(55.897.223.350)</b>

**22.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

**22.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2017 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.007.369	678.776
- Euro (EUR)	549	162
- Won Hàn Quốc (KRW)	1.125.373.024	-

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu từ bán hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>373.759.019.209</b>	<b>377.959.662.529</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm</i>	206.723.833.099	163.248.180.579
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	126.255.151.937	157.286.232.599
<i>Doanh thu chăn bông</i>	26.952.742.433	35.446.540.209
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	13.404.932.501	21.753.132.658
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	422.359.239	225.576.484
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(45.553.373)	(152.555.911)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>373.713.465.836</b>	<b>377.807.106.618</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm</i>	206.678.279.726	163.095.624.668
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	126.255.151.937	157.286.232.599
<i>Doanh thu chăn bông</i>	26.952.742.433	35.446.540.209
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	13.404.932.501	21.753.132.658
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	422.359.239	225.576.484
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	880.319.852	1.664.895.575
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	372.833.145.984	376.142.211.043

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi từ thoái vốn trong công ty con	1.381.572.833	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.744.494.427	4.798.057.099
Lãi chênh lệch tỷ giá	976.770.405	2.319.126.429
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223.600.000	223.600.000
	<b>7.326.437.665</b>	<b>7.340.783.528</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	161.325.429.043	133.378.791.670
Giá vốn thành phẩm bông	60.331.337.957	86.336.578.756
Giá vốn chần bông	21.326.677.491	21.334.128.154
Giá vốn bán hàng hóa khác	9.100.962.137	6.328.546.749
	<b><u>252.084.406.628</u></b>	<b><u>247.378.045.329</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân công	17.633.647.479	15.042.584.893
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.329.575.085	1.290.439.119
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.209.596.246	9.372.170.745
- Chi phí quảng cáo	9.974.474.037	3.721.852.238
- Chi phí khác	6.822.003.025	3.815.628.088
	<b><u>45.969.295.872</u></b>	<b><u>33.242.675.083</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân công	30.981.984.863	29.289.098.724
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.611.893.997	3.810.619.877
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.337.580.492	8.257.630.249
- Chi phí khác	10.286.245.518	6.910.197.899
	<b><u>51.217.704.870</u></b>	<b><u>48.267.546.749</u></b>
	<b><u>97.187.000.742</u></b>	<b><u>81.510.221.832</u></b>

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	1.679.606.588	2.553.750.721
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.352.213.424	664.903.741
	<b><u>3.031.820.012</u></b>	<b><u>3.218.654.462</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	200.560.688.879	218.214.343.193
Chi phí nhân công	92.938.502.017	84.684.311.877
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	17.051.497.623	13.160.967.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.643.773.193	24.707.488.568
Chi phí khác	25.571.393.879	8.746.415.311
	<b><u>352.765.855.591</u></b>	<b><u>349.513.526.785</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.641.337.431	10.844.088.003
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	132.001.666	-
	<b><u>5.773.339.097</u></b>	<b><u>10.844.088.003</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>29.061.619.155</b>	<b>52.998.193.027</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất 20%</b>	<b>5.812.323.831</b>	<b>10.599.638.605</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Điều chỉnh cho chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại phải thu, tiền của năm trước	-	181.198.671
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	458.663.848	287.788.287
Lỗi của công ty con không chịu thuế	75.855.944	-
Dự phòng trợ cấp mất việc trích lập thêm	-	56.414.899
Tăng khác	-	202.955.992
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lãi của công ty con không chịu thuế	-	(10.769.290)
Lãi của công ty liên kết không chịu thuế	-	(241.490.956)
Lãi từ thoái vốn công ty con	(528.784.526)	-
Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	-	(186.928.205)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(44.720.000)	(44.720.000)
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>5.773.339.097</b>	<b>10.844.088.003</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Doanh thu phiếu mua hàng chưa giao hàng cho khách hàng	112.272.727	117.768.182	(5.495.455)	-
Giảm trừ doanh thu đối với doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	846.699.966	(846.699.966)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.064.919.694	1.393.630.658	218.294.494	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.265.395.133	1.876.607.625	388.787.508	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	819.887.275	704.533.956	115.353.319	-
	<b>4.262.474.829</b>	<b>4.939.240.387</b>	<b>(129.760.100)</b>	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	(208.566.126)	(273.445.224)	64.879.099	-
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	(67.120.665)	-	(67.120.665)	-
	<b>(275.686.791)</b>	<b>(273.445.224)</b>	<b>(2.241.566)</b>	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>3.986.788.038</b>	<b>4.665.795.163</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>(132.001.666)</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

*Đơn vị tính: VND*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Cho giai đoạn tài	Cho giai đoạn tài
			chính sáu tháng	chính sáu tháng
			kết thúc ngày 30	kết thúc ngày 30
			tháng 6 năm	tháng 6 năm
			2017	2016
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Thu tiền cho vay	-	4.383.500.000
		Lãi cho vay đã thu	-	1.428.276.000
		Lãi cho vay phải thu	1.833.318.836	-
		Cho vay	-	13.783.500.000
		Thanh lý tài sản	-	400.000.000
		Doanh thu gia công	781.731.719	1.664.895.575
		Doanh thu bán hàng hóa	98.588.133	-
		Thu tiền bán hàng	2.508.488.523	543.116.828
		Cung cấp dịch vụ	960.000.000	-
		Mua hàng hóa	168.786.886	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.951.622.787 đồng). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động. Số dư cuối kỳ của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng
			năm 2017	12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Gia công	648.583.534	1.206.407.784
		Cung cấp dịch vụ	987.998.960	-
			<b>1.636.582.494</b>	<b>1.206.407.784</b>
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	3.383.030.336	1.549.711.500
		Thanh lý tài sản	330.000.000	330.000.000
		Cung cấp dịch vụ	-	400.000.000
			<b>3.713.030.336</b>	<b>2.279.711.500</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60.773.000.000	60.773.000.000
			<b>60.773.000.000</b>	<b>60.773.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 16.1)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Mua khăn lau	12.997.458	221.100.000
			<b>12.997.458</b>	<b>221.100.000</b>

(\*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn 4 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	8.326.466.693	8.242.133.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.288.280.058	42.154.105.024
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>23.288.280.058</u>	<u>42.154.105.024</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.979.773	27.986.518
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong tháng 7 năm 2016	-	13.993.255
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>41.979.773</u>	<u>41.979.773</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	555	1.004
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	555	1.004

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 96,30 % tổng doanh thu trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.




THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 008/2017/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 8 năm 2017, Công ty đang trong quá trình tiến hành thủ tục phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo với số lượng tối đa là 150 trái phiếu và mệnh giá 1.000.000.000 VNĐ/trái phiếu. Kỳ hạn của trái phiếu là 5 năm với lãi suất 7.5%/năm cho năm đầu tiên và trần lãi suất huy động cá nhân 12 tháng của Vietcombank + 1.7%/năm cho các năm tiếp theo.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

  
\_\_\_\_\_  
Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc

  
\_\_\_\_\_  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae

  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 14 tháng 8 năm 2017